TOÀ ÁN NHÂN DÂN NAM **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-PT
Ngày 12 - 02 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần và bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2017/TLPT- DS ngày 08 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS - ST ngày 27/9/2017, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐ - PT ngày 04/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐ - PT ngày 25/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kim L; trú tại: Số 17A SB, phường ET, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Quốc C; trú tại: 17 T, P. TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Huy L; trú tại: 51 NT, phường AB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Tiến D; trú tại: 55 M, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim L1; trú tại: Tổ dân phố 7, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Bà Thị S và ông Điểu Đ; trú tại: Thôn 4, xã QT, huyện ĐR, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

* Người kháng cáo: Ông Cao Huy L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đàm Quốc C trình bày:

Ngày 07/11/2016, ông Cao Huy L có vay của bà Vũ Thị Kim L 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*. Thời hạn vay 30 ngày từ ngày 07/11/2016 đến 07/12/2016, lãi suất các bên thỏa thuận miệng với nhau tính theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Các bên có lập hợp đồng vay tiền được Phòng Công chứng K tỉnh Đăk Lăk công chứng cùng ngày. Ngoài ra, ông L còn tự nguyện tín chấp cho bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AL 809196 do UBND huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông cấp ngày 18/12/2007 mang tên ông L để bảo đảm đối với khoản vay trên.

Đến hạn trả nợ mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông L vẫn không chịu trả cho bà L. Nay tôi đại diện cho bà L đề nghị Tòa án nhân dân thị xã BH buộc ông L phải có nghĩa vụ trả một lần cho bà L nợ gốc 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)* và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật tính từ ngày 08/12/2016 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Tô Tiến D trình bày:

Ngày 04/11/2016, tại Phòng công chứng K tỉnh Đắk Lắk, ông L cùng bà L và bà Nguyễn Thị Kim L1 có thỏa thuận ông L đứng ra nhận vay thay cho bà L1 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*. Sau khi được ba bên thống nhất thì vào Phòng công chứng làm hợp đồng, tuy nhiên sau này ông L mới biết trong hợp đồng chỉ có ông L là người vay, bà L là người cho vay. Việc ông đứng ra vay tiền trên không phải cho ông mà cho bàL1, ông không thụ hưởng đồng nào. Ngoài ra, ông có đảm bảo khoản vay bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 thửa đất 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 36.724 m^2 tại thôn ĐQ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông L.

Tòa án áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với thửa đất là tài sản của ông L và các con mà không phải tài sản ông L thế chấp là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của ông L và các con ông. Vì vậy, ông đề nghị hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông thế chấp tài sản nào thì ông chịu tài sản đó. Về số tiền 550.000.000đ *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)* ông không có trách nhiệm trả vì giữa bà L và bà L1 làm ăn với nhau nên ông không chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Điểu Đ và bà Thị D trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Kim L1 quen biết với nhau do có người ở xã QT, huyện ĐR giới thiệu. Bà L1 cho biết có khả năng đứng ra giúp chúng tôi vay tiền ngân hàng và chúng tôi sẽ trích hoa hồng cho bà L1. Sau đó, khoảng tháng 8/2016 tôi có đưa 01 bìa đỏ đứng tên ông Điểu Đ, thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 36.724 m^2 tại thôn ĐQ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông cho bà L1 để nhờ bà L1 vay số tiền 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*. Tuy nhiên, sau khi nhận bìa đỏ thì bà L1 không tiến hành làm thủ tục vay ngân hàng cho tôi mà bà L1 một mình tự ý sang tên bìa đỏ của tôi cho ông Cao Huy L mà không nói gì cho tôi biết. Việc bà L1 vay tiền của bà L tôi không biết và cũng không biết việc bà L1 có thế chấp 01 bìa đỏ của tôi mà ông Cao Huy L đứng tên cho bà L. Khoảng tháng 8/2016 bà L1 có dẫn tôi sang phòng Công chứng KĐ, tỉnh Đăk Nông để lăn tay vào giấy tờ nhưng không ai giải thích rõ nội dung gì, tôi chỉ nghĩ đó là nội dung vay tiền ngân hàng mà tôi có nhờ bà L1 làm giúp. Việc bà L1, ông L thế chấp bìa đỏ của tôi để vay tiền của bà L tôi hoàn toàn không biết, chỉ khi bà L nói tôi mới biết, chúng tôi yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng tôi.

**** Tại bản án số 18/2017/DS-ST ngày 27/9/2017, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng điều 471; khoản 1, 4 Điều 474; khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự 2005.

- Áp dụng khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L.

- Buộc ông Cao Huy L phải trả cho bà Vũ Thị Kim L số nợ gốc 550.000.000đ và lãi suất tính từ ngày 08/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2017 là 09 tháng 19 ngày là: 39.737.500đ. Tổng cộng gốc và lãi là: 589.737.500đ *(Năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng)*

Bà Vũ Thị Kim L có trách nhiệm trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 tên ông Điểu Đ, được chỉnh lý biến động tên ông Cao Huy L ngày 20/9/2016 cho ông Cao Huy L.

Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

2.Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017 ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

3.Về án phí: Bị đơn ông Cao Huy L phải chịu án phí DSST là 27.589.500đ. Hoàn trả cho bà Vũ Thị Kim L số tiền 13.227.000 đồng *(Mười ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng chẵn)* theo biên lai thu số AA/2014/0043210 ngày 09/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2017 bị đơn ông Cao Huy L kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa phúc thẩm bổ sung thêm nội dung kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi suất không phù hợp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của ông L về nghĩa vụ trả nợ cho bà L và về phần lãi suất là không có căn cứ; kháng cáo đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thấy rằng: Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT với biện pháp "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà L có đơn yêu cầu thay đổi biện pháp khẩn cấp tại thời từ "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" đã được Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk ban hành tại Quyết định số 01/2017/QĐ-BPKCTT bằng biện pháp "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Ngày 28/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của ông Cao Huy L – sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 07/11/2016, ông Cao Huy L có vay của bà Vũ Thị Kim L 550.000.000 đồng gốc, hai bên xác lập "Hợp đồng vay tiền" được công chứng tại Phòng công chứng

số 1 tỉnh Đắk Lắk. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng: Ngày 07/11/2016 ông L vay của bà L 550.000.000 đồng là vay giúp cho bà Nguyễn Thị Kim L1, toàn bộ số tiền vay ông L không sử dụng, không thụ hưởng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải trả cho bà L số tiền vay và lãi suất là vi phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích của ông L. Xét thấy: Ngày 07/11/2016, giữa ông L với bà L có xác lập "Hợp đồng vay tiền" được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Đắk Lắk. Theo nội dung hợp đồng vay tiền bà L cho ông L vay 550.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, mục đích vay để kinh doanh, toàn bộ nội dung hợp đồng vay tiền không đề cập đến bà Nguyễn Thị Kim L1 như lời trình bày của ông L. Ông L không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và không được bà L thừa nhận. Mặt khác, ông L và bà L1 từng là vợ chồng, tuy nhiên đã có quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 347 ngày 31/10/2011 nên không có lý do gì ông L trực tiếp ký giấy vay tiền và còn đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tín chấp cho bà L nhưng lại cho rằng bà L1 mới là người thụ hưởng. Ông L cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm văn bản thỏa thuận (bút lục 38) nhưng không thể hiện nội dung thỏa thuận giữa ba bên như ông L trình bày. Do đó, kháng cáo của ông L không có căn cứ nên không được chấp nhận; Kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi suất không phù hợp. HĐXX thấy: Bà L yêu cầu tính lãi suất từ ngày ông L vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm và cấp sơ thẩm tính lãi suất 9%/năm là có lợi cho bị đơn phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự, Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[3] Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng khi ký hợp đồng vay tiền ông L có thế chấp (bảo đảm) khoản vay cho bà L bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 thửa đất 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 36.724 m^2 tại thôn ĐQ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông L nhưng Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2017 đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 50, diện tích 349,2m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU033154 do UBND thị xã BH cấp cho ông Cao Huy L là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Thấy rằng: Ông L khi kí hợp đồng vay tiền của bà L có đưa cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 thửa đất 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 36.724 m^2 tại thôn ĐQ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông L nhưng các bên không đăng ký thế chấp theo quy định, không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cấp có thẩm quyền và hiện thửa đất trên ông Điểu Đ, bà Thị S đang tranh chấp và bà L không yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp thạm thời đối với tài sản này mà ngày 24/02/2017, bà L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 50, diện tích 349,2m^2, theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số BU033154 do UBND thị xã BH cấp cho ông Cao Huy L. Sau khi xác minh tình trạng quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ căn cứ khoản 1 Điều 111; khoản 1 Điều 112; khoản 12 Điều 114, Điều 127 BLTTDS ban hành quyết định áp dụng "Cấm hoặc buộc thực hiện một số hành vi nhất định" nhằm bảo đảm cho việc giải quyết vụ án và bảo đảm công tác thi hành án là không phù hợp. Bởi lẽ, Điều 127 BLTTDS quy định "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định được áp dụng nếu trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ cho thấy đương sự hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoặc không thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác có liên quan trong vụ án đang được Tòa án giải quyết". Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà L có đơn yêu cầu thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời từ "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" sang " Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 04/2017/QĐ-BPKCTT thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" quy định tại Điều 127 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk áp dụng tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2017 bằng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự phong tỏa một phần quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 50, diện tích 204m^2 (ngang 4m, chiều dài 51m); trong đó 87m^2 đất ở, 117m^2 đất trồng cây hàng năm khác thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 033154 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 31/3/2015 cho ông Cao Huy L là phù hợp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án là không còn phù hợp mà phải áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 18/01/2017 (bút lục số 21) bà L khai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 thửa đất 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 36.724 m^2 tại thôn ĐQ, xã QT, huyện TĐ, tỉnh Đăk Nông ông L đã tín chấp cho bà Huỳnh Thị M nhưng cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm tại bản tự khai ngày 09/02/2018 bà M xác nhận chỉ nhận làm tin và giao dịch giữa bà M ông L đã được giải quyết tại bản án số 139/2017/DS-PT ngày 24/11/2017 và bản án số 08/2017/DS-ST ngày 17/8/2017. Sau khi nhận quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, bà M không có ý kiến gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông L đưa cho bà và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ các phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Cao Huy L cần sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Cao Huy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Huy L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 27/9/2017, của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim L.

Buộc ông Cao Huy L phải có nghĩa vụ trả cho bà Vũ Thị Kim L 589.737.500đ (Năm trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc 550.000.000đ, nợ lãi suất 39.737.500đ.

Áp dụng khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Bà Vũ Thị Kim L có trách nhiệm trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 809196 tên ông Điểu Đ, được chỉnh lý biến động tên ông Cao Huy L ngày 20/9/2016 cho ông Cao Huy L.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2017/QĐ-BPKCTT ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Về án phí: Bị đơn ông Cao Huy L phải chịu án phí DSST là: 27.589.500 đồng. Hoàn trả cho bà Vũ Thị Kim L số tiền 13.227.000 đồng *(Mười ba triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn đồng chẵn)* theo biên lai thu số AA/2014/0043210 ngày 09/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Cao Huy L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đ ông L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0000996 ngày 16/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk được khấu trừ vào số tiền án phí DSST.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
THẨM
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND thị xã Buôn Hồ;*
- *Chi cục THADS thị xã BH;*
- *Các đương sự;*
- . . . . . .;
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền